

## CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ NGUYỄN ĐỨC HẠNH QUA TẬP "KHÁT CHÁY"

Vũ Nguyệt Khánh Phượng<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết này đã tập trung nghiên cứu đặc điểm của cái tôi trữ tình trong tập thơ *Khát cháy* của nhà thơ Nguyễn Đức Hạnh – một tác giả có phong cách viết riêng độc đáo. Nghiên cứu thể giới nghệ thuật thơ Nguyễn Đức Hạnh nói chung, cái tôi trữ tình biểu hiện ở tập thơ "*Khát cháy*" nói riêng là một vấn đề có ý nghĩa lí luận và thực tiễn. Một mặt, nó chỉ ra nét riêng độc đáo và sự chuyển biến trong phong cách sáng tác của Nguyễn Đức Hạnh; một mặt khác góp phần khẳng định vị thế của tác giả trong thơ ca đương đại Việt Nam. Nghiên cứu các sáng tác của Nguyễn Đức Hạnh trong tập thơ này, chúng tôi nhận thấy cái tôi trữ tình có những đặc điểm nổi bật sau: cái tôi yêu thương gắn bó; cái tôi yêu tha thiết quê hương đất nước; cái tôi đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia; cái tôi dạt dào, say đắm trong tình yêu.

**Từ khóa:** cái tôi trữ tình, thể giới nghệ thuật, thơ Nguyễn Đức Hạnh, tập thơ "*Khát cháy*".

### 1. MỞ ĐẦU

Trong tiến trình phát triển của văn chương Việt Nam thế kỉ XXI, thơ ca đang có xu hướng mở rộng biên độ biểu đạt, đề cao cái tôi cá nhân, đề cao cảm xúc trực tiếp và có những tìm tòi, sáng tạo hình thức biểu đạt mới. Diện mạo thơ ca thế kỉ XXI, vì thế đã trở nên đa sắc, đa thanh với sự xuất hiện của những dấu ấn cá nhân độc đáo. Trong bối cảnh đó, "thanh sắc" trong thơ Nguyễn Đức Hạnh đã đem đến cho độc giả những trải nghiệm thưởng thức vừa gần gũi vừa sáng tạo. Riêng tập thơ "*Khát cháy*" của ông cũng đã thể hiện đầy đủ, sâu sắc cái tôi trữ tình đa tầng và giàu nội cảm. Đặc biệt, ở tập thơ này, Nguyễn Đức Hạnh đã thể nghiệm thành công sự đổi mới, sáng tạo trong việc cấu trúc ngôn từ đứt gãy và hình ảnh thơ siêu thực, giàu liên tưởng. Điều đó tạo nên một Nguyễn Đức Hạnh vừa đậm thắm sâu sắc, vừa đam mê bí ẩn mà rất giàu bản sắc văn hoá – lịch sử.

Tuy nhiên, so với nhiều tên tuổi khác cùng thời, thơ Nguyễn Đức Hạnh vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Hiện nay, chưa có nhiều công trình đi sâu khám phá đặc điểm cái tôi trữ tình trong sáng tác của ông, đặc biệt từ góc nhìn thi pháp học và phê bình văn hóa. Do đó, việc lựa chọn đề tài "*Cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Đức Hạnh qua tập "Khát cháy"*" không chỉ góp phần khẳng định giá trị nghệ thuật của một cây bút thơ giàu tìm tòi, mà còn đóng góp thêm những cách nhìn mới cho việc nghiên cứu thơ Việt Nam thế kỉ XXI.

<sup>1</sup> NCS, Chuyên ngành Lí luận văn học, Trường ĐHSP Hà Nội 2

Với cách tiếp cận thi pháp học kết hợp phê bình văn hóa, nghiên cứu này mong muốn sẽ góp phần làm sáng rõ diện mạo nghệ thuật của Nguyễn Đức Hạnh, đồng thời gợi mở thêm một hướng nghiên cứu về thơ ca đương đại Việt Nam, nơi mỗi cá tính sáng tạo đều xứng đáng được nhận diện và đánh giá nghiêm túc, công tâm.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Tiểu sử nhà thơ Nguyễn Đức Hạnh

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Đức Hạnh sinh năm 1962, quê Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Trong vai trò là giảng viên cao cấp ngành Ngữ văn tại Đại học Thái Nguyên, ông có cơ hội thuận lợi khi tham gia hoạt động cả ở lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học và sáng tác thơ văn. Về lĩnh vực nghiên cứu, ông có 4 công trình được công bố, gồm: “*Tiểu thuyết Việt Nam thời kì 1965-1976 từ góc nhìn thể loại*” (Lý luận phê bình văn học, 2008), “*Văn học Thái Nguyên*” (Đồng chủ biên, 2008), “*Thế giới nghệ thuật trong tiểu thuyết Chu Lai*” (Lý luận phê bình văn học, 2011), “*Văn học địa phương miền núi phía Bắc*” (Lý luận phê bình văn học, 2015). Về hoạt động sáng tác, ông chủ yếu sáng tác thơ và đã xuất bản 5 tập bao gồm: “*Núi khát*” (2000), “*Khoảng lặng*” (2012), “*Thâm*” (2021), “*Vết thời gian*” (2024), “*Khát cháy*” (2025). Không dừng lại ở những thành công đã đạt được, năm 2022, ông xuất bản truyện ngắn “*Tiếng chuông chùa Từ Đàng*”, và tiếp tục xuất bản cuốn tiểu thuyết “*Bão*” năm 2025. Các công trình nghiên cứu và sáng tác trên đều được ghi nhận bằng những giải thưởng Văn học nghệ thuật ở Trung ương và địa phương.

“*Khát cháy*” là tập thơ song ngữ mới nhất vừa phát hành của Nguyễn Đức Hạnh, phần tiếng Anh do nhà thơ, dịch giả Võ Thị Như Mai thực hiện. Tập truyện được thiết kế gồm 95 bài thơ, sắp xếp theo nhóm chủ đề sáng tác với bốn tiêu đề: “*Khúc Hiếu thuận*”, “*Khúc Sơn tà*”, “*Khúc Tri âm*” và “*Khúc Huê tình*”. Mỗi phần của tập thơ là một cung bậc tâm hồn đi qua ký ức, khát vọng và chiêm nghiệm. Không khó để nhận ra ở “*Khát cháy*”, cái tôi trữ tình hiện lên đa diện, phong phú, từ tình yêu thiên nhiên, tình yêu gia đình, ý thức dân tộc đến những chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc đời và thơ ca, thể hiện một tâm hồn thi nhân nhạy cảm, tinh tế và lãng mạn. Tuy nhiên, đạt tới sự thấu cảm sâu sắc cái tôi trữ tình ấy không hề dễ dàng bởi tất cả đều được gói trong một cấu trúc ngôn từ bị xáo trộn, không theo mạch cảm xúc thông thường. Người đọc không thể tìm thấy một mạch tư duy thông thường, không nhận ra được mối quan hệ ràng buộc về ngữ nghĩa kiểu nguyên nhân hệ quả, tức cảnh sinh tình, ... Cảm xúc của cái tôi trữ tình cũng không men theo mốc thời gian, không bám vào trình tự không gian, không có trình tự sự kiện..., mà hoàn toàn đứt gãy, rời rạc. Chỉ có một thứ duy nhất người đọc bám vào đó là sức mạnh của ngôn từ. Mỗi yếu tố ngôn từ trong thơ Nguyễn Đức Hạnh tự do thể hiện, tự do phát sáng, tự do xây dựng thi ảnh vừa hiện thực lại vừa siêu thực. Đó chính là nét riêng làm nên màu sắc mới mẻ, sáng tạo trong phong cách thơ Nguyễn Đức Hạnh ở tập thơ “*Khát cháy*”.

“*Khát cháy*” không phải là thứ thơ có thể đọc vội, đọc nhanh, để rồi hiểu ngay được tư tưởng của tác giả, rung động ngay với hình tượng thơ. Và đặc biệt, không dễ gì để hiểu ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ. Muốn có những phát hiện, người đọc cần có đủ kiên trì, đủ sự tĩnh tâm và không gò ép bắt bản thân phải giải mã, phải thấu hiểu ngay lập tức những câu từ, hình ảnh trong thơ thì mới có thể cảm nhận được một cách tự nhiên nhất dòng chảy cảm xúc và những tâm tư mà cái tôi trữ tình gửi gắm qua cấu trúc ngôn từ độc đáo, mới lạ.

## 2.2. Những biểu hiện của cái tôi trữ tình trong tập thơ “*Khát cháy*”

Theo cấu trúc tập thơ, Nguyễn Đức Hạnh đã chú ý sắp xếp 95 bài thơ theo một trật tự nhất định và đặt tên cho từng nhóm tác phẩm: Khúc Hiếu thuận, suy tư (24 bài); Khúc Sơn hà (17 bài); Khúc Tri âm (27 bài) và Khúc Huê tình (27 bài). Cách đặt tên nhóm các bài thơ vừa thể hiện ý tưởng nghệ thuật của tác giả vừa định hướng cảm xúc và suy tưởng cho người đọc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm. Theo đó, độc giả có cái nhìn khái quát về cả tập thơ và nắm được tinh thần của cả tập thơ. “*Khát cháy*” không đóng khung ở một đề tài, chủ đề, một góc nhìn riêng rẽ nào mà mở ra thế giới quan rộng lớn với những trải nghiệm đa chiều, nhiều cung bậc cảm xúc ở nhiều góc độ khác nhau. Từ đó, độc giả cảm nhận được cái tôi trữ tình đa diện, giàu cảm xúc.

### 2.2.1. Cái tôi yêu thương gắn bó trong tình thân gia đình ở Khúc Hiếu thuận, suy tư

Mở đầu “*Khát cháy*” là 24 bài thơ có cùng đề tài *hiếu thuận, suy tư*. Tiêu đề phần này đã khơi mở tâm lí đón đợi của độc giả về miền cảm xúc tình thân mến thương và những suy tư, chiêm nghiệm về cuộc sống, về lẽ đời. Tác giả chọn giới thiệu đầu tiên là bài *Bã trà* với tứ thơ rất lạ. Trà vốn từ những mầm non xanh tươi mỡ màng, qua “lửa lò bông rât” trở thành trà “móc câu” ngập chìm trong nước và cuối cùng là “bã trà” khô kiệt rã rời. Nhưng không cam tâm, những bã trà ấy vẫn khát khao đến cháy bỏng được thom hương lần nữa: “*Cái còn lại của một đời/Cố thom lần nữa giữa trời lạnh tanh*”. Đó là tâm niệm của “bã trà”, cũng chính là tuyên ngôn sống của cái tôi trữ tình tha thiết yêu đời và luôn khát khao dâng hiến đến tận cùng sự sống. Giọng điệu suy tư về lối sống, về giá trị con người, về những điều còn lại được thể hiện trong nhiều bài thơ ở Khúc Hiếu thuận, suy tư này như: *Bảo tàng, Hành trình, Ngược, Nghe, Nghĩ vụn trong đêm, Những loài nói thầm thường đau, Tự hoạ*. Đó là những trăn trở về giá trị con người qua những câu hỏi thẳng thắn, chân thành, nghiêm khắc: “*Rồi ai chẳng thành cỏ vật/Phần còn lại khi khô kiệt nghĩa tình?/Trong bộ sưu tập của ai đó/Là tượng vàng hay là cái đing?*” (*Bảo tàng*). Đó là những chiêm nghiệm về thân phận con người: “*Lưới số phận đã căng/Nhảy múa kiêu hãnh gì cũng là kiếp cá*” (*Ngắm bầy cá mà nghĩ*). Đó còn là những suy tư về lẽ được mất ở đời: “*Khen chê mưa nắng. Ban mai vẫn trong/Tung hô một thuở. Hoàng hôn vẫn buồn.*” (*Nghĩ vụn trong đêm*)... Cái tôi trữ tình ấy thừa nhận sự tồn tại của số phận, nhưng lại đứng về phía cái đẹp, luôn tin tưởng vào sức mạnh cảm hoá của cái đẹp, của lẽ phải, cái thiện trong cuộc đời. Đó không phải là mâu thuẫn trong quan niệm về thân phận con

người mà chính là khát vọng mãnh liệt của cái tôi trữ tình muốn sống thuận với tự nhiên theo triết lí vô vi của cõi thiên tịnh.

Những dòng suy tư chiêm nghiệm ở *Khúc Hiếu thuận, suy tư* đã làm nên cho tình cảm hiếu thuận bùng cháy trong những dòng thơ viết về gia đình, về tình yêu thương quê nhà, trân quý những năm tháng tuổi thơ khó nhọc. Với nhà thơ, tình cảm ấy luôn được bộc lộ một cách chân thành, mộc mạc nhưng lại qua những hình ảnh đẹp đẽ mà thiêng liêng vô cùng. Ở nhiều bài thơ viết về cha mẹ, cái tôi trữ tình luôn thể hiện sự thành kính thiết tha: “*Tháng nào chẳng thương mẹ nhớ cha/ Sao cứ mùa Vu Lan sen về thom trong ngực?*” (*Lang thang mùa Vu Lan*). Tình cảm ấy tự sinh như mạch nguồn nhiệt huyết trong trái tim, nó bền bỉ, không có điểm dừng nghỉ như dòng chảy của sông: “*Không định làm thơ/Ngòi bút tự khêu vào tiếng gọi thầm trong mắt/Chảy rờn rờn qua mấy mùa sen/Câu chữ tự vay chút hương thương nhớ/Trả bằng một đời sông/Mang mây trắng đi hong/Tận biển rất hiền*” (...). Hương sen xuất hiện trong thơ như một tín hiệu yêu thương – một thứ “*hương thương nhớ*” luôn chảy tràn trong tâm trí nhân vật trữ tình như mạch nguồn trong mát không bao giờ vơi cạn.

Những kí ức về tuổi thơ, về mái ấm gia đình có cha có mẹ để lại dấu ấn đậm sâu, được khơi lại bởi những yếu tố thật bình dị, gần gũi: đó có thể là một cơn mưa ngâu tháng bảy, là ống com lam nướng vụng, là một đêm mùa đông lạnh lẽo, là vết hằn trên lưng mẹ, là một thứ mùi quen thuộc chợt ngửi thấy... Dù điểm đầu khơi nguồn cảm xúc khác nhau nhưng luôn dạt dào chảy về một không gian thân thuộc của miền quê đậm đà thứ hương của núi rừng với ao, hồ, sông, suối và những cánh rừng cọ, đồi chè nhuộm xanh kí ức, hoa chuối đỏ rực như lửa cháy, hoa lau trắng bạt ngàn.... Ở đó có “*Nhà như tổ chim vui đôi vắng*” (*Những đôi cực*) có người mẹ “*bao dung mà tội nghiệp*”, người cha “*khắc khổ kiệt cùng*” (*Nghẹn rừng*). Nơi ấy có những mùi hương thân thuộc: “*Mùi sắn thơm bỏ toi kí ức/Mùi cúc tần kho cá ngấm ngấm/Mùi bánh đúc ôm mùi tương đồ lấm/... “Mùi tóc mẹ gội đầu lá bưởi/Bay qua ổ rom vàng rộm nắng mai/Mùi mồ hôi bỏ lưng trần cuộc đất/Quả đồi cần khó nhọc để ngô khoai/Mùi tóc khét. Mùi Trâu. Chiều vắt vẻo.”* (*Bơi kí ức*); có những sắc màu lung linh chỉ tuổi thơ mới thấy: “*vì sao lấp lánh/Chú cá cờ bơi trong kí ức/Những sắc màu toả hương*”, “*quả sim cắn đôi tím lịm chân trời*”, “*Cầu trắng. sông xanh. hoàng hôn đỏ/Mắt người yêu là kính vạn hoa*”... Đắm chìm trong không gian ấy, cái tôi trữ tình như rơi vào cõi nhớ, cõi mơ huyền ảo, phiêu linh: “*Ngược về vùng tối sáng/Lửa màu tím đun kí ức sôi/Còn, mát. Buồn, vui. Quên, nhớ...*” (*Ngược*); để rồi “*Nhằm bầu trời là mẹ/Ngậm vào trăng. Bú mãi tiếng khóc thầm...*” (*Mẹ ơi, con vẫn chỉ là con ghé*). Đó là nỗi khát thèm hơi ấm tinh thân của một cái tôi hoài niệm đầy khắc khoải, một tâm hồn ấm áp nhớ thương.

Với nhà thơ, kí ức là phương thuốc chữa lành, trở về với kí ức là cuộc hành trình trở về để tìm lại bản ngã, để gột rửa tâm hồn cho trong sạch lại, để “*Thả mình trôi khoả đục tìm trong*” (*Tôi là ống com lam nướng vụng*), để “*suối cho bao mùa đông lặn thành giọt lệ/Lặn đi đâu cũng mặn vào lòng/Càng mặn càng trong.*” (*Mẹ ơi, con nhóm lửa rồi*).

Nhưng trong chuỗi hành trình vào cõi hư vô ấy, cái tôi trữ tình lại hứng chịu cảm giác đơn độc, trống trải và nhiều mất mát buồn thương: “*Bối kí ức người rồi mất ướt/Giếng làng lấp rồi. Gấu tôi vục vào tôi?*” (*Bối kí ức*); để rồi vỡ ra chân lí: “*Thời gian là lâm tặc/Mình cũng như rừng thời*” (*Nghẹn rừng*), đều mỗi ngày một tổn thương, mỗi ngày một mất mát...

Mặc dù biểu thị những xúc cảm đa dạng và nhiều cung bậc, hình ảnh thơ trong *Khúc Hiếu thuận*, suy tư vẫn luôn nhất quán ở sự giản dị mộc mạc, gần gũi, tạo ra không gian đồng ruộng, làng quê bình yên, thơ mộng với ao sen, giếng nước, sông trăng, với bếp lửa, ống com lam, khói bếp, khoai sắn, bánh đúc, giầu cúc tần... Nhưng cái mộc mạc đó không cũ kĩ, buồn tẻ mà nó luôn có xu hướng bùng lên ánh sáng, toả ra hương thơm với tất cả nội lực đang căng tràn đầy ứ: “*Có than hồng bùng trong vát và/Khoai nước cứ thơm. Kệ được mất vô thường*” (*Nói với em khi tóc bạc*); “*Ngược về vùng tối sáng/Lửa màu tím đun kí ức sôi*” (*Ngược*)... Đó chính là điều làm nên sự khác biệt ở cái tôi trữ tình Nguyễn Đức Hạnh so với những nhà thơ khác.

### 2.2.2. Cái tôi tha thiết yêu quê hương, đất nước trong *Khúc Sơn hà*

Trong cuốn *Tiểu luận Tâm lí học* (1987) của nhà tâm lý học W. Wundt đã nghiên cứu mô hình của cái tôi với 6 thuộc tính. Một trong số đó là “*chức năng nội cảm hoá toàn bộ thế giới tạo thành cái thế giới chủ quan hết sức độc đáo*”<sup>(5)</sup> của cái tôi trữ tình. Quả thực, ở *Khúc Sơn hà*, toàn bộ thế giới mà cái tôi trữ tình tiếp cận đều hoá thành thế giới của cảm xúc thăng hoa, của niềm yêu và tự hào sâu sắc. Nhìn vào nhan đề các bài thơ thuộc khúc này, độc giả có thể nhận ra những địa danh từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bằng đến miền núi, từ nam ra bắc đều được gọi tên một cách trang trọng và đầy cảm xúc. Hàng loạt cái tên gọi lại cuộc hành trình khám phá các vùng trời Tổ quốc như: Nha Trang, Hội An, Chi Lăng, Hạ Long, Hà Nội, Vinh, Sa Pa, Phú Yên... cả sông Cầu, Bến Tượng, tháp Nhạn... Tất cả đều biến thành thế giới chủ quan hết sức độc đáo của cái tôi trữ tình, trở thành không gian của cảm xúc yêu thương, của niềm tự hào về lịch sử và văn hoá dân tộc.

Cái tôi ấy không ngần ngại bày tỏ tình yêu với nơi mình đã đi qua bằng những trực ngôn như: *nhớ Vinh, muốn về Khau Vai, phải lòng sông Lam, yêu đến mai sau, nhớ thương quánh lại...* và cả những ẩn dụ giàu hình ảnh như: *bình kí ức tràn rồi, nỗi nhớ nhóm lửa trên đỉnh sóng, lệ đã chảy thành sông tiếng gọi...* Trong nỗi nhớ và tình yêu chân thật, mỗi vùng trời quê hương được nhắc đến đều là những miền đất có tầng sâu văn hoá, lịch sử, nơi trở thành biểu tượng của những nét đẹp truyền thống không thể mờ phai: Đó là một Hà Nội vừa im lặng, vừa náo động, vừa hiện đại, vừa cổ xưa. Hà Nội mang vẻ đẹp của “*hương mùa đông có màu thăm thẳm/Vừa chân thật vừa liêu trai*” khiến người về còn chệnh choáng – “*Rót hồ đầy hai mắt mà say*”. Cái tôi trữ tình thừa nhận “*Mỗi người có một Hà Nội/Giấu trong ngực. Vọng ngàn xưa*”. Đó là một Hội An với bao trầm tích lịch sử, văn hoá. Từ những hòn sỏi, từng nhịp cầu cổ kính, từng viên gạch đỏ trên mảnh đất ấy đều gọi cảm xúc yêu thương gắn bó, và đặc biệt là niềm tin mãnh liệt vào sự trường tồn của những giá trị mang bản sắc văn hoá Hội An: “*theo vạn người về với những ban*

*mai.*”(Hội An). Đó là một Nha Trang gọi nỗi buồn lãng mạn; một Phú Yên vừa kiêu hãnh vừa từ bi; một Hạ Long vàng ươm sắc mới; một sông Cầu khắc khoải chờ mong; một Khau Vai khát cháy yêu thương; một Co Sầu thân thiện, bao dung...

Không chỉ là tình yêu tha thiết với từng mảnh đất quê hương mà ở cái tôi trữ tình Nguyễn Đức Hạnh luôn nhóm lên niềm tin mãnh liệt vào sức sống và sự lan toả của những bản sắc ấy, như câu chuyện tình yêu thủy chung son sắt ở Khau Vai: “*Tháng Ba này dấu không về Khau Vai/Vẫn tin nước mắt yêu thương làm nên con người/Những hàng động giấu bao nhiêu gió/Đợi một ngày thổi lửa cháy, người ơi...*”(Tháng Ba này nhớ Khau Vai); như vị “*chát trước ngọt sau*” của thứ trà Tân Cương ở Thái Nguyên khiến người thưởng thức mãi không quên: “*Giấu tinh hoa trong thớ mộc/Chạm môi một lần yêu đến mai sau*” (Trà Tân Cương); như nét hồn nhiên và trầm mặc của Co Sầu còn mãi với lịch sử ngàn năm: “*Thác Bản Giốc chảy tràn bao truyền thuyết/Về những anh hùng lấy máu vẽ quê hương.*”(Đêm Co Sầu); như biển Phú Yên nặng nghĩa nặng tình: “*Nắng càng dãn, biển càng xanh và mặn*”(Xa biển Phú Yên thì hát...); như Hội An vẫn kiên trì bền bỉ nét cổ xưa: “*Mảnh kí ức Hội An trăm màu sắc/Theo vạn người về với những ban mai*” bởi một niềm tin không lay chuyển “*Văn hoá tụ lại sẽ không tan như sóng*” (Hội An). Vừa lan toả “*theo vạn người*” để phát triển, vừa “*tụ lại*” để lắng đọng ý nghĩa, đó là khát vọng của cái tôi trữ tình muốn gìn giữ và xây dựng một nền văn hoá mang hơi thở hiện đại mà không quên nguồn cội, bản sắc.

Trong số 17 bài của *Khúc Sơn hà*, có tới 15 bài thơ được tác giả đặt nhan đề gắn liền với một địa danh cụ thể. Mỗi địa danh được gắn với một từ chỉ thời gian tâm trạng như đêm, chiều, tháng ba, mùa đông hoặc gắn với một từ bộc lộ cảm xúc trực tiếp, ... Chỉ nhìn danh mục các bài thơ cũng đủ thấy cái tôi trữ tình không chỉ hướng ngoại, với trái tim yêu thương quảng đại mà còn là một cái tôi giàu tri thức, thấu hiểu sâu sắc giá trị của bản sắc dân tộc và luôn tự hào về nó giữa thời đại nhiều biến động này.

### 2.2.3. Cái tôi đồng cảm, thấu hiểu, sẽ chia trong Khúc tri âm

Nói về vai trò của cái tôi trữ tình trong thơ, Trần Đình Sử viết: “*Cái tôi trong thơ nâng con người lên cao hơn tồn tại trực tiếp, hướng nó về lý tưởng, là cái cầu nối giữa vô thức với hữu thức.*”<sup>(5)</sup> Trong 27 bài thơ thuộc Khúc tri âm của tập thơ *Khát cháy*, có 14 bài Nguyễn Đức Hạnh đề tặng bạn bè, người thân. Số còn lại là những xúc cảm trong những lần ông gặp lại cố nhân ở cả cõi thực và cõi mơ. Ở đó, cái “*tôi*” trữ tình đã trở thành một *chủ thể tự nó*, có khi tách riêng trở thành một nhân vật đối chất, có khi xuất hiện nhập thân trong sự đồng cảm, sẽ chia bằng những vần thơ đồng điệu, sâu lắng với nhân cách và tâm hồn của những người bạn, người đồng nghiệp, và cả những miền đất đã gắn bó. Đó chính là cái tôi trữ tình tự mở rộng, tự nhân bản để giao cảm, sẽ chia và soi chiếu qua lăng kính của tình tri kỷ, tạo nên một bản hòa ca cảm xúc vừa mang tính cá nhân vừa mang tính cộng đồng, xã hội.

Tác giả đã dành tình cảm đặc biệt cho những nhà thơ, nhà văn, những người nghệ sĩ vừa có tài, vừa có tâm nhưng cuộc đời chịu nhiều thua thiệt. Cái tôi trữ tình vì thế mà

luôn thể hiện sự đồng cảm, ngưỡng mộ và cả nỗi niềm tiếc thương chân thành khi viết về họ. Bài thơ đầu tiên của *Khúc Tri âm* là tình cảm yêu mến, kính trọng dành cho Y Phương – một nhà thơ tài hoa người dân tộc Tày: “*Trong thơ anh có ngọn đèn Tày – Việt/Sáng từng đêm rờn rờn/Chữ TÁM là ngọn bắc/ Chữ TÀI là lửa hồng/Như chai rượu trăm năm đáy biển/Để càng lâu càng uống càng nồng*” (*Cầu thang*). Tiếp nối mạch nguồn tri âm là cảm xúc mãnh liệt của cái tôi trữ tình khi “bắt gặp” Quang Dũng giữa mây trời Tây Bắc huyền ảo lung linh: “*Vương miện kết bằng hoa ban đội lên đầu lãng tử (Gặp Quang Dũng hát trên sông Mã); Là nỗi trông trái, tiếc nuối trước sự ra đi của Lâm Thị Mỹ Dạ: “Có chị. Sông Hương trong hơn, mưa Huế đẹp hơn/Chị đi vắng sen chấp tay niệm phật/Bao ngôi chùa héo rữa với hoàng hôn*” (*Hát ru Lâm Thị Mỹ Dạ*); Là nỗi niềm trần trở khi đứng trước “*huong hồn thiên tài trăm năm có một*” – Văn Cao - mà ngẫm về số phận cuộc đời: “*Ngọn lửa gầy lờn thừng qua sông/Thiên tài áo sòn bạc/Nhũn nhận thế mà còn xơ xác.*” (*Nghĩ về Văn Cao*); cả những trần trở về quy luật “tài mệnh tương đố” trước cuộc đời nhà văn Lê Lựu: “*Cái giá phải trả khi trời cho tài năng/Mặt sau của vinh quang xót lắm*”, “*Sao người thân lại hoá người dung/ Triệu người dung thầm khóc vì ông*” (*Nhớ và nghĩ về Lê Lựu – Người cùng quê*). Cái tôi trữ tình ấy vừa khẳng định tài năng của những nghệ sĩ đã về với thiên cổ, vừa đề cao những đóng góp thể hiện dấu ấn riêng, một thứ “vân chữ” không trộn lẫn: “*Sao cứ phải ngóng sang trời Tây mà ao ước/Tôi là tôi của đất Mẹ này thôi...*” (*Trò chuyện cùng Vũ Trọng Phụng*), “*Vỡ như sao băng hơn chết trên giường bệnh/Thơ bóng tay thơm, kịch đốt lửa hun trời*” (*Uống rượu với Xuân Quỳnh-Lưu Quang Vũ*)... Hàng loạt những so sánh liên tưởng, những đối lập ngôn từ, những câu hỏi tu từ chua chát được tác giả sử dụng đã làm nổi bật tâm trạng bất bình, xót xa với thực tại phũ phàng và hơn hết là một niềm yêu kính, ngưỡng mộ những người nghệ sĩ vừa có tâm, có tài lại có khí phách hiên ngang giữa được mất, khen chê ở đời.

Bên cạnh những bài thơ tri âm người thiên cổ, cái tôi trữ tình cũng thể hiện tiếng nói tri âm với bạn bè về những mảnh đất giàu tình người. Đó là sự “ngọt ngào” của cao nguyên đá Hà Giang qua *Đêm Co Sầu*, là sự “*lưu luyến nhớ thương*” của *Nghiêng bến Tình Cương*, hay nỗi nhớ quay quắt về một thời tuổi trẻ ở *Nhớ Hoà Bình*, nhớ Phúc Yên: “*Sông Cà Lồ còn giữ hộ ngày xưa*”. Sự ngưỡng mộ dành cho những mảnh đất giàu truyền thống được thể hiện rõ nét trong *Phác thảo miền Trung*: “*Rắn như núi Hồng, mềm như Lam giang/Văn nhân dấu đong anh hùng thuyền chở*”. Về đẹp con người xứ Nghệ cũng được ví von đầy tình cảm qua bài thơ *Sông Lam*: “*Trần nồng nà cứng cõi. Thừa thủy chung dù thâm lặng đa tình*”. Cả nét hào sảng, nghĩa tình của mảnh đất Kinh Bắc: “*Thành phố nhỏ mà lòng người rộng quá/Thơm thảo thừa trao cho bốn phương trời/Cốc Kinh Bắc tràn phù sa văn hoá/Nhạc họa thi ca nảy lộc đâm chồi*”. Với mỗi địa danh tác giả đi qua, cái đọng lại bền lâu nhất là tình người, là lối sống và vẻ đẹp tâm hồn con người nơi ấy. Trong nỗi nhớ, niềm yêu được gọi tên ấy có cả những thấu cảm, sẻ chia về những mai một truyền thống văn hoá, bản sắc dân tộc, nỗi xót xa trước những giá trị đẹp đẽ đang dần biến mất. Trong *Có một Tây Nguyên*, nhà thơ không chỉ nhìn thấy núi đồi, suối thác mà còn cảm nhận được sự im lặng đáng sợ đang bao trùm văn hóa bản địa. Tiếng công chiêng,

hồn cốt của Tây Nguyên, đang bị lấn át bởi “âm thanh lạ”. Nỗi đau ấy được thể hiện một cách trực diện và đầy ám ảnh: “Đường vào buôn làm bằng tiếng công chiêng ngàn năm/Đắm đuối lắm, gập gềnh cũng lắm/Công chiêng bán gần hết rồi – đường vỡ/Nhật âm vang đau hoá xác chim rừng”. Đó là tiếng chuông cảnh tỉnh về sự mai một của di sản văn hóa trước sự xâm lấn của đô thị hóa. Cái tôi trữ tình đau đớn như thể chính mình là một phần của Tây Nguyên – nỗi đau có sức mạnh huỷ diệt.

Cái tôi trữ tình trong *Khúc Tri âm* đứng ở nhiều góc độ khác nhau để tự quan sát, tự đánh giá, tự điều chỉnh bản thân. Có khi cái tôi trữ tình là một người bạn rượu, bạn thơ cùng sẻ chia tâm sự về lẽ sống ở đời: “*Ghét rao giảng thùng rỗng kêu to/Quen nói thầm vì kêu trong xương mới là kêu coi được*” (Em và anh - Hai giọt cà phê). Có khi cái tôi trữ tình lại hoà làm một trong nỗi đau chia li, cách biệt của người goá phụ: “*Em bám nhằm số gọi kiếp sau anh/Nghe được lời đáp: - thương về long lanh*” (Điện thoại mưa). Cũng có khi, cái tôi chìm trong men say, trong ảo mộng, trong cõi hư vô để được mặc sức đối âm với Vũ Trọng Phụng, Quang Dũng, Trịnh Công Sơn, Lưu Quang Vũ – Xuân Quỳnh, Hoàng Cầm... Để được lắng nghe lời chất vấn của tiền nhân: “*Hãy nhìn sâu vào trong tâm của bạn/Cái ác đã dùng sinh sôi?/Hãy nhìn quanh thế giới/Sao con người mãi giết con người?/Sao hôm nay Xuân Tóc Đỏ, Thị Mịch, Nghị Hách/hình như đi đây trên phố?*” (Trò chuyện cùng Vũ Trọng Phụng), cho dù câu trả lời luôn bế tắc: “*Tôi cười thôi.Xin miễn trả lời*”. Để được sống thật với chính mình: “*Anh là hạt gạo văng ra khỏi giàn sàng/Sao cứ phải xoay theo vòng xoay muôn thuở?*” (Uống với Hoàng Cầm đêm mất ngủ). Phải chăng, chỉ khi đưa mình trôi vào ảo mộng, cái tôi trữ tình mới tìm thấy tiếng nói tri âm? Chính nhờ sự mở rộng biên độ tri âm này mà cái tôi trữ tình trở nên gần gũi, ấm áp và nhân văn hơn bao giờ hết.

Nhà tâm lý học Nga L. Rubinstein từng khẳng định: cái tôi của một nhân cách phát triển là cả “một nước cộng hoà của nhiều chủ thể”. Royce cũng từng nói: “*Tôi muốn trở thành chính tôi thì tôi phải không ngừng phân hoá, tôi không thể là tôi thuần túy, tôi phải vứt bỏ cô lập, dần thân vô nhân quần*”. Cái tôi trữ tình Nguyễn Đức Hạnh cũng vậy! Để thể hiện mình, cái tôi ấy đã hoà hợp với bao cái tôi bạn hữu, cái tôi nghệ sĩ, cái tôi thân tình để trở thành một cái tôi tri âm, thấu tỏ và khơi gợi sự đồng cảm sâu sắc từ độc giả yêu thơ.

#### 2.2.4. Cái tôi dạt dào, say đắm trong *Khúc huê tình*

Kế thừa từ truyền thống thơ tự ý thức, cái tôi trữ tình trong thơ đương đại thường vận hành theo mô thức “thú nhận - bộc lộ - tuyên cáo”. Đây là hành động đưa những trải nghiệm riêng tư ra không gian công cộng, biến những tâm sự thầm kín thành một lời khẳng định về bản sắc. Cái tôi của Nguyễn Đức Hạnh dường như thiên về “bộc lộ” và “tuyên cáo” một tình yêu say đắm hơn là phản tư và tinh thức. Đó hẳn nhiên là một cái tôi từng trải và già dặn.

Ở 27 bài thơ của *Khúc Huê tình*, cái tôi trữ tình bộc lộ nhất quán ở sự đắm say, khát khao kết nối và khẳng định bản thể. Trái ngược hoàn toàn với hình tượng chủ thể hiện đại

trong thơ T.S. Eliot – một cái tôi về cơ bản là phân mảnh, xa lạ, thất bại trong giao tiếp và bị giam hãm trong sự dằn vặt nội tâm - cái tôi ở đây lại tìm thấy sự hài hòa, trọn vẹn trong môi giao cảm sâu sắc với thiên nhiên và tình yêu. Cái tôi này không “thú nhận” một dằn vặt, mà chủ yếu “bộc lộ” và “tuyên cáo” một tình yêu mãnh liệt và một lẽ sống tràn đầy sinh lực.

Cái tôi trữ tình đã lựa chọn những không gian khoáng đạt, mênh mông, có sức dung chứa tâm hồn và cảm xúc để bộc lộ tình yêu đắm say với thiên nhiên, với con người và với cả chính mình. Ở đó, cả không gian biển khơi là một bài hát lớn, ở đó có sự hoà hợp đến mê say của sóng biển, cát trắng và những hàng dừa xanh: “*Bài hát của biển màu xanh/ Những hàng dừa đều nghiêng về biển/Ủ ca từ thành nước ngọt/Treo lưng trời trên sóng mà ngon*” “*Anh cùng biển song ca*” (Âm nhạc lạ lùng). Vẫn là không gian biển mênh mông với giai điệu riêng: “*Song ca bài sóng vỗ, học người mà tự lành/Giai điệu thành bờ cát vàng đi xa. Rủ những hàng dừa rung qua*”. Không gian biển mênh mông, với giai điệu của “sóng vỗ”, đã trở thành một “tương quan vật thể” (objective correlative) hoàn hảo - một tập hợp các đối tượng và sự kiện bên ngoài được dùng để gọi lên một cảm xúc cụ thể - cho tình yêu cuộc sống và khát vọng yêu đương của chủ thể. Chính trong không gian bao la và có phần vô định của sóng nước, biển khơi, hình ảnh “*chàng trai say đắm đi tìm tình yêu*” hiện lên một cách rõ nét nhất. Cái tôi cất lên tiếng lòng khắc khoải giữa đất trời: “*Đi tìm một đôi môi đỡ lạnh giữa trời/Dù vỡ vẫn chỉ mong trong vút thôi*” (Đợi mặt trời). Thiên nhiên ở đây không phải là một cõi hoang tàn, mà là một không gian cộng hưởng, làm sâu sắc thêm nỗi khao khát yêu đương cháy bỏng của một cái tôi đang trên hành trình kiếm tìm và tự biểu hiện

Để diễn đạt những trạng thái nội tâm phức tạp, cái tôi trữ tình trong *Khúc huê tình* đã kiến tạo một hệ thống ẩn dụ khái niệm – một phương thức biểu hiện độc đáo và nhất quán, lấy chất liệu từ chính thế giới thiên nhiên mà nó gắn bó. Thông qua việc dùng những hình ảnh cụ thể, hữu hình để định hình cho khái niệm trừu tượng là TÌNH YÊU, cái tôi đã thực hiện một hành động “tuyên cáo” mạnh mẽ về một tình yêu chân thành, nguyên sơ và mãnh liệt. Tình yêu ấy có khi được ẩn dụ bởi những hình ảnh thiên nhiên hòa quyện, gắn bó không thể tách rời. “*Hai đứa mình là hai cái cây/Chạm lá một lần trước khi bật khóc*” (Nói giản dị về mùa thu); “*Tôi ngã về em đêm trăng ngần ngật/Luống chè cong lên gheo gió nghịch ngằm/Từ phút ấy Chúa-Phật và Thánh nữa/Về ngự chung trên cúc áo ngực em*” (Thơ tình cho ai ít nói ngằm nhiều); có khi rất mãnh liệt: “*Em cỏ lông chông. Anh thở dòn còn cát*”. Khát vọng về một tình yêu bền vững, có khả năng nuôi dưỡng lẫn nhau cũng được diễn tả qua một ước vọng độc đáo, thiêng liêng: “*Xin trời đất cho hai kẻ chăn nuôi gây trồng vụ sóng/Đủ nuôi đêm dài thắm hát khúc yêu nhau*”....

Đặc biệt, để thể hiện tình yêu nói riêng, những cung bậc cảm xúc phong phú trong tâm hồn cái tôi trữ tình nói chung, tác giả đã sử dụng rất nhiều lần hình ảnh ngọn lửa (cả tập thơ có 43 lần xuất hiện từ “lửa” trong những kết hợp phong phú, đa dạng), sử dụng nhiều từ “đốt” (14 lần) và từ “vỡ” (44 lần). Trong đó, ở *Khúc Huê tình*, hình ảnh ngọn lửa

được lặp lại nhiều lần, luôn ở thế đối cực với nước và gió, biểu trưng cho một tình yêu đam mê, bất diệt và có phần liêu lĩnh, thách thức. “Sốt một ngọn lửa là em cháy từ bảy kiếp/Đi ngang đời một khúc Hạ hồng” (Khúc Hạ hồng); “Cầu vồng thành dây trời chặt đám mây/Em là cánh diều cháy đỏ không hay” (Mất ngủ)... Nguyễn Đức Hạnh đã chủ ý phá vỡ cấu trúc ngôn từ tuyến tính, logic thông thường, buộc người đọc phải kiên trì và tĩnh tâm để có thể cảm nhận được dòng chảy cảm xúc ẩn sau những câu chữ, hình ảnh tưởng như rời rạc. Chính cấu trúc độc đáo này đã trở thành phương tiện hữu hiệu để thể hiện một cái tôi phức cảm, phi tuyến tính của con người hiện đại. Nổi bật lên trên hết là hệ thống hình ảnh và ẩn dụ lấy "lửa" làm trung tâm. Với tần suất xuất hiện dày đặc của các từ "lửa", "cháy", "đốt", cái tôi trữ tình của Nguyễn Đức Hạnh đã "tuyên cáo" một cách mạnh mẽ về một lẽ sống tràn đầy sinh lực, một khát vọng yêu đương và sáng tạo cháy bỏng, đúng như tinh thần của nhan đề tập thơ.

Ngọn lửa ấy là “ngọn đuốc cuối cùng” bùng lên từ giọt nước mắt, là ngọn lửa “cháy từ bảy kiếp”, là “cánh diều cháy đỏ” trên bầu trời. Tác giả đã đúc kết trực tiếp ẩn dụ này thành một lời tuyên ngôn: “Yêu như là lửa đỏ/Thương như là than hồng”. (Sau ngày mưa bão); Trong xúc cảm của tình yêu say đắm ấy, cái tôi trữ tình vẫn luôn ý thức được giá trị mà nhiệt huyết sống của mình: “Sao mình giống như vòm hoa Gạo ấy/Cháy không nguôi giữa đất và trời” (Tự khúc tháng Ba). Cái tôi trong “Khát cháy” luôn chủ động kiến tạo hình ảnh của chính mình một cách rạch ròi và công khai. Hình ảnh “vòm hoa Gạo” đang “cháy không nguôi” là một lời tuyên ngôn về một bản thể nhất quán, tràn đầy năng lượng và không bao giờ cạn kiệt nhiệt huyết. Ngọn lửa tình yêu đôi lứa giờ đây đã hòa vào ngọn lửa của tình yêu cuộc sống, tạo nên một sự khẳng định về một lẽ sống say mê, dâng hiến. Đây không phải là sự tự ý thức đến từ việc “tái diễn nỗi đau” của quá khứ mà là một sự tự ý thức trọn vẹn, tích cực bắt nguồn từ chính hiện tại tốt đẹp.

### 3. KẾT LUẬN

Qua việc khảo sát tập thơ *Khát cháy*, có thể khẳng định rằng Nguyễn Đức Hạnh đã kiến tạo nên một cái tôi trữ tình đa diện, phức hợp và mang đậm dấu ấn của tư duy thơ hiện đại. Hành trình của cái tôi ấy đi qua bốn cung bậc cảm xúc chính, tương ứng với bốn phần của tập thơ, từ đó phác họa nên một chân dung tinh thần trọn vẹn và sâu sắc.

Tóm lại, với *Khát cháy*, Nguyễn Đức Hạnh đã mang đến một tiếng thơ mới mẻ, sáng tạo, góp phần làm phong phú thêm cho diện mạo thơ đương đại Việt Nam. Việc khám phá cái tôi trữ tình trong tập thơ không chỉ giúp thấu cảm một tâm hồn thi nhân nhạy cảm, tinh tế mà còn mở ra những suy ngẫm sâu sắc về mối quan hệ giữa chủ thể sáng tạo và những cách tân trong ngôn ngữ nghệ thuật.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kathleen O’Dwyer (2012), *A poetic perspective on subjectivity*, Cosmos and History: The Journal of Natural and Social Philosophy, vol. 8, no. 1, 2012.

2. Mai Văn Phấn, “*Khát cháy*” của Nguyễn Đức Hạnh: *Phân mảnh để phát sáng*, <https://vanvn.vn/khat-chay-cua-nguyen-duc-hanh-phan-manh-de-phat-sang/>, ngày tra cứu 26/8/2025
3. Nguyễn Đức Hạnh (2025), *Khát cháy*, Nxb Văn học
4. Lê Lưu Oanh, (1995), *Cái tôi trữ tình trong thơ (qua một số hiện tượng thơ trữ tình Việt Nam 1975 -1990)*, Nxb, Đại học Sư phạm
5. Trần Đình Sử (2020), *Cái tôi và hình tượng trữ tình*, [https://trandinh-su.wordpress.com/2020/10/27/cai-toi-va-hinh-tuong-tru-tinh/?utm\\_source=chatgpt.com](https://trandinh-su.wordpress.com/2020/10/27/cai-toi-va-hinh-tuong-tru-tinh/?utm_source=chatgpt.com), ngày tra cứu 26/9/2025.
6. Thomas AUSTENFELD, *Confess–disclose–proclaim: the trope of self-revelation in american poetry since the sixties*, [https://perso.unifr.ch/thomas.austenfeld/wp-content/uploads/2025/07/2015\\_TCA\\_Olomouc\\_ConfessDiscloseProclaim\\_sm.pdf](https://perso.unifr.ch/thomas.austenfeld/wp-content/uploads/2025/07/2015_TCA_Olomouc_ConfessDiscloseProclaim_sm.pdf)
7. Vira Babych & Iryna Nedainova (2020), *Lyrical I in Poetic Discourse of Carl Sandburg: A Linguo-Cognitive Approach*, <https://repository.kpi.kharkov.ua/server/api/core/bitstreams/30889b37-fa17-4628-8110-f0cd468dcde6/content>, ngày tra cứu 02/09/2005.

#### THE MANIFESTATION OF THE LYRICAL SELF IN NGUYEN ĐỨC HANH’S POETRY COLLECTION, “KHAT CHAY”

**Vu Nguyet Khanh Phuong**

**Abstract:** *This article focuses on studying the characteristics of the lyrical self in the poetry collection “Khat chay” (Burning Desire) by the poet Nguyen Duc Hanh - an author with a uniquely distinctive writing style. Investigating the poetic artistry of Nguyen Duc Hanh in general, and the manifestation of the lyrical self in the collection “Khat chay” in particular, is a topic of both theoretical and practical significance. On one hand, it highlights the unique features and the stylistic shift in Nguyen Duc Hanh’s writing; on the other hand, it helps to affirm the author’s position in contemporary Vietnamese poetry. Through the study of Nguyen Duc Hanh’s works in this collection, we recognize the lyrical self exhibits the following prominent characteristics: the self of love and attachment; the self that passionately loves the homeland and country; the self of sympathy, understanding, and sharing; and the self that is rich and enraptured in love.*

**Keywords:** *lyrical self, poetic artistry, Nguyen Duc Hanh’s poetry, the collection “Khat chay”.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-10-2025; ngày phản biện đánh giá: 14-11-2025; ngày chấp nhận đăng: 28-11-2025)*